

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÁNH LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 20-6-2022

*“Về việc: Ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yển.

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Đinh Thị Nguyệt.

2. Ông Phùng Xuân Thành.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Biện Việt Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Hữu Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2022/TLST - HNGĐ, ngày 18/4/2022, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Vũ Tuấn T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Xóm 4, thôn 1, xã SK, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

**- Bị đơn:** Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1981;

HKTT: Khu phố 7, phường PT, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Nơi ở hiện tại: Xóm 4, thôn 1, xã SK, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận:  
Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1]. Theo đơn khởi kiện, tự khai và các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn – Anh Vũ Tuấn T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Vũ Tuấn T và chị Hoàng Thị N tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh T và chị N chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2022 do bất đồng quan điểm nên anh T và chị N thường xuyên cãi vã nhau. Anh T đã nhiều lần vận động, khuyên răn chị N thay đổi tính tình để tiếp tục chung sống với nhau, nhưng vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Chị N yêu cầu anh T đưa 150.000.000đ thì chị N đồng ý không chung sống với anh T nữa. Nhận thấy cuộc sống không có hạnh phúc nên anh T đã bỏ về nhà cha mẹ ở và sống ly thân với chị N. Anh T xác định không còn tình cảm với chị N nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do anh T và chị N không đăng ký kết hôn nên anh T đề nghị không công nhận anh T và chị N là vợ chồng.

- *Về con chung:* Anh T và chị N không có con chung.

- *Về tài sản chung và vợ chung:* Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh T không có yêu cầu nào khác trong vụ án.

*[2]. Theo như biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn – chị Hoàng Thị N trình bày:*

Chị Hoàng Thị N và anh Vũ Tuấn T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019. Anh T và chị N được hai bên gia đình tổ chức đám cưới giữa với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống, chị N đã nhiều lần yêu cầu anh T tiến hành đăng ký kết hôn nhưng anh T cứ nói từ từ. Thời gian qua, chị N và anh T chung sống hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn gì. Sau đó, chị N không biết lý do vì sao anh T làm đơn đến Tòa án để yêu cầu giải quyết ly hôn. Hiện nay, anh T không còn quan tâm, chăm sóc chị N nữa. Từ tháng 05/2022 cho đến nay anh T nói là không còn tình cảm với chị N từ đó vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nếu anh T yêu cầu ly hôn thì chị N chấp nhận.

*[3]. Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:*

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy xác nhận nhận tình trạng hôn nhân số 64/2022/UBND-XNTTHN ngày 05/04/2022 của Ủy ban nhân dân xã SK; Bản sao có chứng thực căn cước công dân và sổ hộ khẩu của anh T; Đơn xin xác nhận.

*[4]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

*- Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

-Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 14, 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Tuấn T và chị Hoàng Thị N.

Về án phí: Anh Vũ Tuấn T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:*

Nguyên đơn anh Vũ Tuấn T, yêu cầu giải quyết ly hôn (không công nhận là vợ chồng). Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu gì khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng pháp luật.

*[2] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn anh Vũ Tuấn T, Hội đồng xét xử nhận định:*

Tại phiên tòa, anh Vũ Tuấn T và chị Hoàng Thị N tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019. Anh T và chị N không đăng ký kết hôn theo quy định. Anh T và chị N hạnh phúc được thời gian. Đến tháng 4/2022 vì bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn; từ đó anh T và chị N chung sống không còn hạnh phúc. Hiện nay, anh T và chị N không còn chung sống với nhau. Các bên không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Anh T xác định không còn tình cảm với chị N nên không thể tiếp tục chung với nhau được nữa. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Chị N xác định không còn chung sống hạnh phúc với nhau nên chấp nhận ly hôn.

Xét thấy: Anh T và chị N tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, khi anh T yêu cầu ly hôn thì Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ theo quy định mà cần mở phiên tòa xét xử để không công nhận anh T và chị N là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

[3] *Về con chung*: Anh T và chị N không có con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh T và chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5] *Về án phí*: Cần buộc anh Vũ Tuấn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; các Điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Tuấn T:

Tuyên bố không công nhận anh Vũ Tuấn T và chị Hoàng Thị N là vợ chồng.

[2]. Về án phí: Buộc anh Vũ Tuấn T phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007878 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; (anh T đã nộp đủ tiền án phí).

[3]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 20/6/2022. (Đã giải thích quyền kháng cáo).

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tánh Linh;
- UBND xã SK (Thay T/B);
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CCTHADS huyện Tánh Linh;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**Nguyễn Thị Yên**